

Bản án số: 792/2018/HNGĐ – ST

Ngày: 31-7-2018

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trúc Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thuận

2. Ông Lê Nguyên Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân quận T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 842/2017/HNST ngày 02 tháng 10 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2018/QĐXXST-HN ngày 14 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2018/QĐST-HN ngày 03 tháng 7 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Ông Huỳnh Tấn T, sinh năm: 1985

Địa chỉ: Tổ 10, Ấp 2, xã B, huyện C, tỉnh D.

Bị đơn: Bà Đào Ngọc X, sinh năm: 1979

Thường trú: 67/15 L, phường T, quận T, TP.H.

Tạm trú: 99 L, phường T, quận T, TP.H.

(Ông T có đơn xin vắng mặt, bà X vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/8/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Huỳnh Tấn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân:

Ông và bà Đào Ngọc X tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2006 khi vợ sinh con thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn kéo dài cho đến năm 2009, nguyên nhân do vì công việc nên ông T phải đi làm xa, kiếm tiền gửi về cho vợ chi tiêu và chăm sóc con, ngược lại bà X không biết lo cho gia đình nên vợ chồng bất đồng quan điểm trong vấn đề tiền bạc, thường xuyên cãi nhau nhưng vì con mà ông bỏ qua để cùng nuôi dạy con chung, xây dựng gia đình. Ông T đã nhiều lần tạo điều kiện để bà X sửa đổi nhưng bà X vẫn không thay đổi. Nay ông không còn tình cảm với bà X, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà X để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Đào Thanh V, sinh ngày 01/11/2006. Khi ly hôn ông T đồng ý giao con chung cho bà Đào Ngọc X trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông T khai không có.

Nguyên đơn ông Huỳnh Tấn T đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông T theo luật định.

Bị đơn bà Đào Ngọc X đã được tổng đạt, triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà Đào Ngọc X theo luật định.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung:

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên bố không công nhận ông Huỳnh Tấn T và bà Đào Ngọc X là vợ chồng.

Về quan hệ con chung: Giao con chung là Đào Thanh V, sinh ngày 01/11/2006 cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại

phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn khởi kiện của ông Huỳnh Tấn T, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn. Nay ông T yêu cầu ly hôn, bà Đào Ngọc X có nơi cư trú tại quận T nên Tòa án nhân dân quận T thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

**** Về thủ tục xét xử vắng mặt nguyên đơn:***

Ông T đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

**** Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn:***

Bà Đào Ngọc X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bà Đào Ngọc X vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Đào Ngọc X theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về yêu cầu của nguyên đơn:

**** Về quan hệ hôn nhân:***

- Về quan hệ hôn nhân: Xét, việc ông Huỳnh Tấn T và bà Đào Ngọc X sống chung như vợ chồng từ năm 2005 cho đến nay nhưng vẫn không đăng ký kết hôn là vi phạm các quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: “Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”. Tại điểm b, điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/06/2000 hướng dẫn thi hành luật Hôn nhân gia đình quy định: “Nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001 mà có đầy đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn 2 năm Kể từ ngày 01/01/2001 trở đi, nam nữ chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng ...”.

Hội đồng xét xử xét thấy về quan hệ hôn nhân giữa ông Tài và bà X chung sống với nhau như vợ chồng và có con chung nhưng không đăng ký kết hôn nên pháp luật không công nhận ông bà là vợ chồng.

- Về quan hệ con chung: Ông T khai ông và bà X một con chung tên Đào Thanh V, sinh ngày 01/11/2006. Khi ly hôn ông T đồng ý giao con chung cho bà Đào Ngọc X trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con

chung 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử xét thấy, từ ngày ông T và bà X ly thân thì trẻ V do bà X trực tiếp nuôi dưỡng, nên căn cứ vào Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông T, giao con chung cho bà Đào Ngọc X trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành.

Tại phiên tòa hôm nay, ông T có đơn xin giải quyết vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã trình bày.

Bà X vắng mặt không trình bày ý kiến về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T khai cả hai không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này bà X có căn cứ cho rằng hai bên có tài sản chung và nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

3. Về án phí : Ông T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng điểm b, điểm c khoản 3 Nghị Quyết 35/2000/QH 10 ngày 9/6/2000 hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân gia đình;

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Tuyên xử:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Tuyên bố không công nhận ông Huỳnh Tấn T và bà Đào Ngọc X là vợ chồng.

- **Về quan hệ con chung:** Giao con chung là Đào Thanh V, sinh ngày 01/11/2006 cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T có nghĩa cấp dưỡng nuôi con

chung mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng. Bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng từ khi án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành.

Trong trường hợp ông T không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, bà X được quyền nộp đơn lên cơ quan thi hành án có thẩm quyền để yêu cầu thi hành. Kể từ thời điểm bà X nộp đơn yêu cầu, nếu ông T không thực hiện thì ông T còn phải chịu thêm tiền lãi suất tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành.

+ Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Trong trường hợp bà X không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, bà X hoặc ông T, hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

+ Trường hợp ông T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà X có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Ông T khai không có. Nếu sau này bà X có căn cứ cho rằng hai bên có tài sản chung và nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện khác theo quy định pháp luật

2. Về án phí: Ông Huỳnh Tấn T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí do ông T đã nộp theo biên lai thu số 0009753 ngày 02/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận T. Ông T đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hay niêm yết bản án

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q. T;
- Chi cục THA dân sự Q.T
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Trúc Lý